

DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUÝ

Hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2020

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	20	20	-	20	20	-	-
2	ABS	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận	-	30	30	-	30	30	-
3	ACB	HNX	Ngân hàng TMCP Á Châu	50	50	-	50	50	-	-
4	ACL	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	-	20	20	-	20	20	-
5	AMV	HNX	CTCP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	30	30	-	30	30	-	10,000
6	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	30	40	10	30	40	10	-
7	APC	HOSE	Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú	-	20	20	-	20	20	-
8	ASM	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	30	30	-	30	30	-	-
9	AST	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	40	40	-	40	40	-	-
10	BCE	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	20	20	-	20	20	-
11	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	30	40	10	30	40	10	-
12	BIC	HOSE	Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	30	30	-	30	30	-
13	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
14	BMI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	40	40	-	40	40	-	25,000
15	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	40	50	10	40	50	10	-
16	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30	30	-	30	30	-	-
17	BTP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	20	30	10	20	30	10	-
18	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	20	20	-	20	20	-	-
19	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	30	40	10	30	40	10	-
20	C32	HOSE	Công ty Cổ phần CIC39	30	40	10	30	40	10	-
21	CAV	HOSE	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	30	30	-	30	30	-	-
22	CCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	20	20	-	20	20	-	-
23	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	50	50	-	50	50	-	-
24	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	30	30	-	30	30	-	-
25	CMX	HOSE	Công ty Cổ phần Camimex Group	-	40	40	-	40	40	-
26	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	30	40	10	30	40	10	-
27	CRE	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	50	50	-	50	50	-	-
28	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	-	40	40	-	40	40	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
29	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	30	40	10	30	40	10	-
30	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS	50	50	-	50	50	-	-
31	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
32	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	30	30	-	30	30	-	20,000
33	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	20	20	-	20	20	-	-
34	CVN	HNX	CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM	-	30	30	-	30	30	10,000
35	CVT	HOSE	Công ty Cổ phần CMC	40	50	10	40	50	10	70,000
36	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	40	40	-	40	40	-	-
37	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
38	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	30	30	-	30	30	-	-
39	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	30	50	20	30	50	20	-
40	DGC	HOSE	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	40	40	-	40	40	-	-
41	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50	50	-	50	50	-	-
42	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	30	30	-	30	30	-	-
43	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50	50	-	50	50	-	40,000
44	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50	50	-	50	50	-	-
45	DHT	HNX	CTCP Dược phẩm Hà Tây	-	40	40	-	40	40	-
46	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	50	50	-	50	50	-	25,000
47	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	30	40	10	30	40	10	-
48	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	-	20	20	-	20	20	-
49	DPG	HOSE	Công ty Cổ phần Đạt Phương	-	30	30	-	30	30	-
50	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	18,000
51	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	30	40	10	30	40	10	-
52	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	30	30	-	30	30	-	-
53	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	30	30	-	30	30	-	-
54	DXP	HNX	CTCP Cảng Đoạn Xá	-	20	20	-	20	20	-
55	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
56	ELC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	40	30	(10)	40	30	(10)	7,000
57	FCN	HOSE	Công ty Cổ phần FECON	40	30	(10)	40	30	(10)	-
58	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	40	40	-	40	40	-	-
59	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50	50	-	50	50	-	-
60	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	40	40	-	40	40	-	12,000
61	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
62	GDT	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	40	40	-	40	40	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
63	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	20	20	-	20	20	-
64	GEX	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
65	GIL	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	-	40	40	-	40	40	-
66	GMC	HOSE	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn	30	30	-	30	30	-	-
67	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần GEMADEPT	50	50	-	50	50	-	-
68	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	50	30	(20)	50	30	(20)	13,000
69	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần	-	50	50	-	50	50	-
70	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30	30	-	30	30	-	-
71	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	50	-	50	50	-	-
72	HBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	40	50	10	40	50	10	-
73	HCD	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	30	30	-	30	30	-	-
74	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
75	HDB	HOSE	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
76	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	20	40	20	20	40	20	-
77	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	30	40	10	30	40	10	-
78	HJS	HNX	CTCP Thủy điện Nậm Mu	20	20	-	20	20	-	-
79	HLD	HNX	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	20	20	-	20	20	-	-
80	HMC	HOSE	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	30	30	-	30	30	-	-
81	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	50	-	50	50	-	-
82	HPX	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	-	30	30	-	30	30	-
83	HSG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50	50	-	50	50	-	-
84	HTN	HOSE	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	-	40	40	-	40	40	-
85	ICT	HOSE	CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện	-	30	30	-	30	30	20,000
86	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	-	50	50	-	50	50	-
87	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	20	30	10	20	30	10	-
88	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	-	40	40	-	40	40	-
89	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	30	30	-	30	30	-	-
90	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	30	30	-	30	30	-
91	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	50	50	-	50	50	-	-
92	INN	HNX	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	-	40	40	-	40	40	-
93	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	30	30	-	30	30	-	-
94	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	40	40	-	40	40	-	-
95	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	50	-	50	50	-	-
96	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
97	L14	HNX	CTCP Licogi 14	30	30	-	30	30	-	-
98	LCG	HOSE	Công ty Cổ phần LICOGI 16	30	30	-	30	30	-	-
99	LDG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	-	50	50	-	50	50	-
100	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	-	20	20	-	20	20	-
101	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	40	40	-	40	40	-	-
102	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	50	50	-	50	50	-	-
103	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	50	50	-	50	50	-	-
104	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	30	30	-	30	30	-	-
105	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	50	50	-	50	50	-	-
106	MWVG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50	50	-	50	50	-	-
107	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	30	40	10	30	40	10	25,000
108	NBB	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	50	30	(20)	50	30	(20)	-
109	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	-	30	30	-	30	30	-
110	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng	20	20	-	20	20	-	-
111	NKG	HOSE	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	-	50	50	-	50	50	15,000
112	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	50	-	50	50	-	-
113	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	30	30	-	30	30	-	-
114	NSC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	-	30	30	-	30	30	-
115	NT2	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	40	40	-	40	40	-	-
116	NTL	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	30	30	-	30	30	-	-
117	NTP	HNX	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong	30	40	10	30	40	10	-
118	NVB	HNX	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	50	50	-	50	50	-
119	NVL	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	30	40	10	30	40	10	-
120	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam	50	50	-	50	50	-	-
121	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	30	30	-	30	30	-	-
122	PC1	HOSE	Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	50	50	-	50	50	-	22,000
123	PDN	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	30	30	-	30	30	-	-
124	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	40	40	-	40	40	-	37,500
125	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	30	30	-	30	30	-	-
126	PGC	HOSE	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	-	30	30	-	30	30	-
127	PGD	HOSE	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	30	30	-	30	30	-	-
128	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	-	20	20	-	20	20	-
129	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50	50	-	50	50	-	-
130	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
131	PLP	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	-	30	30	-	30	30	-
132	PMC	HNX	CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic	-	30	30	-	30	30	-
133	PME	HOSE	Công ty Cổ phần Pymepharco	50	50	-	50	50	-	-
134	PNJ	HOSE	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	50	50	-	50	50	-	-
135	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	40	50	10	40	50	10	15,000
136	PPC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	30	40	10	30	40	10	-
137	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	40	40	-	40	40	-	-
138	PTI	HNX	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN	-	20	20	-	20	20	-
139	PVD	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	-	50	50	-	50	50	15,000
140	PVI	HNX	CTCP PVI	-	40	40	-	40	40	-
141	PVS	HNX	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam	40	50	10	40	50	10	-
142	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	30	50	20	30	50	20	-
143	RAL	HOSE	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	30	30	-	30	30	-	-
144	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	50	50	-	50	50	-	-
145	S99	HNX	Công ty cổ phần SCI	-	20	20	-	20	20	-
146	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	-
147	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	35	35	-	35	35	-	10,000
148	SAV	HOSE	Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	20	30	10	20	30	10	10,000
149	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	-	50	50	-	50	50	20,000
150	SBV	HOSE	Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam	-	20	20	-	20	20	-
151	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	30	30	-	30	30	-	-
152	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	40	50	10	40	50	10	100,000
153	SFI	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	-	30	30	-	30	30	-
154	SGN	HOSE	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	-	50	50	-	50	50	-
155	SHB	HNX	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	10,000
156	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	20	20	-	20	20	-	-
157	SHS	HNX	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	30	50	20	30	50	20	-
158	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	30	30	-	30	30	-	-
159	SJS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	50	50	-	50	50	-	22,000
160	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	30	40	10	30	40	10	-
161	SLS	HNX	CTCP Mía đường Sơn La	30	30	-	30	30	-	-
162	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	50	50	-	50	50	-
163	SRA	HNX	CTCP SARA Việt Nam	-	30	30	-	30	30	15,000
164	SRF	HOSE	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh	30	30	-	30	30	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
165	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50	50	-	50	50	-	-
166	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50	50	-	50	50	-	-
167	STK	HOSE	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	20	50	30	20	50	30	25,000
168	SVC	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	30	30	-	30	30	-	-
169	SVI	HOSE	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	40	30	(10)	40	30	(10)	-
170	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	40	40	-	40	40	-	25,000
171	SZL	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	40	40	-	40	40	-
172	TAC	HOSE	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	-	30	30	-	30	30	-
173	TAR	HNX	CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	-	40	40	-	40	40	-
174	TBC	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	30	40	10	30	40	10	-
175	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
176	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	-	30	30	-	30	30	-
177	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	-	40	40	-	40	40	-
178	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	40	40	-	40	40	-	15,000
179	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	-	40	40	-	40	40	-
180	TDN	HNX	CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin	-	30	30	-	30	30	-
181	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	30	30	-	30	30	-	-
182	THI	HOSE	Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện	30	30	-	30	30	-	-
183	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	-	40	40	-	40	40	-
184	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	-	30	30	-	30	30	-
185	TMP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	-	30	30	-	30	30	-
186	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	20	20	-	20	20	-	-
187	TNG	HNX	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	40	40	-	40	40	-	-
188	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50	50	-	50	50	-	-
189	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	-	50	50	-	50	50	-
190	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	40	40	-	40	40	-	-
191	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	20	20	-	20	20	-	-
192	TYA	HOSE	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	-	30	30	-	30	30	-
193	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3	30	30	-	30	30	-	-
194	VCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
195	VCG	HNX	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam	40	40	-	40	40	-	-
196	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	40	50	10	40	50	10	-
197	VCS	HNX	CTCP VICOSTONE	50	50	-	50	50	-	-
198	VDP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	40	30	(10)	40	30	(10)	31,300

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
199	VDS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	20	20	-	20	20	-	-
200	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	50	50	-	50	50	-	20,000
201	VGS	HNX	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE	-	20	20	-	20	20	-
202	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vinh Hoàn	50	50	-	50	50	-	-
203	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	50	50	-	50	50	-	80,000
204	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
205	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	-	30	30	-	30	30	-
206	VIX	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	20	20	-	20	20	-	-
207	VJC	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	50	50	-	50	50	-	-
208	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
209	VNR	HNX	Tổng CTCP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	-	20	20	-	20	20	-
210	VPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50	50	-	50	50	-	-
211	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	30	30	-	30	30	-	-
212	VRC	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	40	40	-	40	40	-	-
213	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50	50	-	50	50	-	-
214	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	40	50	10	40	50	10	-

Ghi chú:

1. Các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ khác ngoài danh sách trên được xem như tỷ lệ cho vay (tính sức mua) là 0% (hay tỷ lệ ký quỹ là 100%).
2. TCSC bảo lưu quyền thay đổi tỷ lệ cho vay/tính sức mua/tỷ lệ tính tài sản và/hoặc bất kỳ giá trị nào trong danh sách trên mà không cần phải thông báo trước cho khách hàng. Việc sắp xếp hay thay đổi này có thể dẫn đến yêu cầu nộp thêm tài sản thế chấp/lệnh gọi ký quỹ đối với tài khoản khách hàng.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

NGUYỄN ĐỨC HIẾU
NGƯỜI GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH